



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Trụ sở chính : 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Nhà máy : Km 35, quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng
Tel : +84.225.3525195 Fax : +84.225.3824562
Email : info@lilama69-2.com.vn Web : www.lilama69-2.com.vn



Số: 11./TCKT- 2020

Hải Phòng, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**
2. Mã chứng khoán: **L62**
3. Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
4. Điện thoại: 02253.525 195 Fax: 02253.824 562
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Bà Trần Thị Hương** – Kế toán trưởng Công ty
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính riêng năm 2019 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính tổng hợp năm 2019 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

7. Địa chỉ Website đăng tải: <http://www.lilama69-2.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CÔNG BỐ THÔNG TIN 



Nơi nhận:

- Như k. gửi,
- Lưu.

Trần Thị Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019



MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	5
3	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 69-2 trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200155547 ngày 29/12/2017, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.982.430.000 đồng (Tám mươi hai tỷ, chín trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200155547 ngày 29/12/2017 ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2019 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Vũ Kế Chương	Chủ tịch hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019
Ông Trương Đức Thành	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019
Ông Trần Xuân Trường	Thành viên hội đồng quản trị	
Bà Lê Thị Minh	Thành viên hội đồng quản trị	

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm

Ông Vũ Kế Chương	Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/05/2019
Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Giám Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Hóa	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2019
Ông Trương Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/05/2019
Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/10/2019
Ông Nguyễn Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18/11/2019

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Vũ Kế Chương chức vụ Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2020



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 043/2020/BCKTHN-PB.00081

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lilama 69-2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (sau đây gọi là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2020, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 69-2 tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



LÊ VIỆT CƯỜNG

Phó Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 2478-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

PHẠM TUẤN VŨ

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 2030-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		493.744.922.560	504.459.530.330
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.824.262.979	6.990.441.314
1. Tiền	111		3.824.262.979	6.990.441.314
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		240.824.338.971	275.272.729.580
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	192.905.354.503	230.112.258.816
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.565.282.152	24.126.588.774
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	40.409.732.406	28.446.914.429
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.056.030.090)	(7.413.032.439)
IV. Hàng tồn kho	140		248.871.631.973	221.599.075.087
1. Hàng tồn kho	141	5.4	248.871.631.973	221.599.075.087
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		224.688.637	597.284.349
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	224.688.637	597.284.349
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		109.449.925.617	110.422.777.800
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.964.638.587	2.544.006.015
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	2.964.638.587	2.544.006.015
II. Tài sản cố định	220		83.987.583.978	80.052.803.966
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	83.265.436.600	79.174.234.764
- Nguyên giá	222		178.759.531.638	167.705.524.184
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(95.494.095.038)	(88.531.289.420)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.6	722.147.378	878.569.202
- Nguyên giá	225		1.251.374.545	1.251.374.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(529.227.167)	(372.805.343)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		935.731.847	935.731.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(935.731.847)	(935.731.847)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.9	17.013.348.345	22.477.198.912
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17.013.348.345	22.477.198.912
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.484.354.707	5.348.768.907
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	5.484.354.707	5.348.768.907
TỔNG TÀI SẢN	270		603.194.848.177	614.882.308.130

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		492.338.869.386	504.401.515.983
I. Nợ ngắn hạn	310		479.313.485.696	486.259.774.245
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	98.181.869.250	91.757.288.367
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		89.145.188.629	60.460.217.714
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.359.690.975	2.631.659.625
4. Phải trả người lao động	314		3.492.166.533	3.812.586.629
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	21.798.678.137	57.643.711.879
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		570.000.000	570.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	10.706.276.348	11.422.169.897
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	252.650.937.513	256.868.368.531
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.408.678.311	1.093.771.603
II. Nợ dài hạn	330		13.025.383.690	18.141.741.738
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	13.025.383.690	18.141.741.738
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		110.855.978.791	110.480.792.147
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	110.855.978.791	110.480.792.147
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.982.430.000	82.982.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		82.982.430.000	82.982.430.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.462.273	36.462.273
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.955.021.940	20.692.851.386
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.434.956.890	3.434.956.890
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.458.293.152	3.334.091.598
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.150.101.890	2.023.238.829
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.308.191.262	1.310.852.769
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		988.814.536	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		603.194.848.177	614.882.308.130



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Trần Thị Hương
Kế toán trưởng

Trần Thị Hằng
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	483.459.691.048
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		483.459.691.048
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	434.002.968.096
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.456.722.952
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	138.066.639
7. Chi phí tài chính	22	6.4	29.792.819.168
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		29.571.480.128
8. Chi phí bán hàng	25		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	16.195.193.028
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.606.777.395
11. Thu nhập khác	31	6.6	292.418.684
12. Chi phí khác	32	6.7	1.870.111.515
13. Lợi nhuận khác	40		(1.577.692.831)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.029.084.564
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	720.893.302
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.308.191.262
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		1.308.191.262
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	257
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	257



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Trần Thị Hương
Kế toán trưởng

Trần Thị Hằng
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.029.084.564
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		8.790.849.977
Các khoản dự phòng	03		(357.002.349)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		194.443
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(33.664.771)
Chi phí lãi vay	06		29.571.480.128
Các điều chỉnh khác	07		-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		40.000.941.992
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		26.177.163.014
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(26.549.590.574)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.812.559.841
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		148.996.730
- Tiền lãi vay đã trả	14		(27.759.247.031)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.217.370.635)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(29.177.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.584.275.837
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.880.221.007)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		33.664.771
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.826.556.236)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33		354.412.581.273
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(363.503.170.335)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(243.200.004)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.590.108.870)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.923.897.936)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.166.178.335)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.01	6.990.441.314
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01	3.824.262.979



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Trần Thị Hương
Kế toán trưởng

Trần Thị Hằng
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.982.430.000 đồng, tổng số cổ phần là 8.298.243 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31/12/2019, công ty có 01 công ty con và 01 chi nhánh hạch toán độc lập, cụ thể:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa Lilama 69-2	Công ty con	Quận Hồng Bàng - thành phố Hải Phòng	Xây lắp	51%
Chi nhánh Công ty CP Lilama 69-2 – Xí nghiệp lắp máy và xuất nhập khẩu	Chi nhánh hạch toán độc lập	Quận Hồng Bàng - thành phố Hải Phòng	Xây lắp	

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Công ty thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các Công ty con

Các Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và các Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập đến ngày 31/12/2019.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo của kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho đến ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và công ty con được loại trừ khi lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2009/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

4.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch giao hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.11 Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

4.12 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.13 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.596.873.931	505.084.867
Tiền gửi ngân hàng	2.227.389.048	6.485.356.447
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	3.824.262.979	6.990.441.314

5.2 Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	-	-
Phải thu của khách hàng ngắn hạn khác	192.905.354.503	230.112.258.816
- Công ty cổ phần Gas Việt Nhật	18.508.561.358	18.870.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Trí Đức	8.280.411.478	25.480.411.478
- Công ty CP cơ khí và lắp máy Việt Nam - COLAVI - HĐ 160801 ngày 01/08/2016	-	18.064.085.789
- Công ty cổ phần xi măng Sài Sơn	-	5.125.781.929
- Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC) HĐ 02/2017	6.287.964.295	9.250.413.684
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải và tư vấn Đông Nam á	16.619.990.647	-
- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam- Dự án Nhiệt điện Sông Hậu số HĐ 290916/LILAMA-LI.69.2	6.235.097.559	-
- Công ty TNHH CT điện lực Kaidi Vũ Hán Trung Quốc - VPĐH CT tại Quảng Ninh HĐ 020	4.251.845.934	5.251.845.934
- Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Olympia HĐ 616 - KS Accor Sapa	14.854.926.867	13.751.429.870
- Khách hàng khác	117.866.556.365	134.318.290.132
Cộng	192.905.354.503	230.112.258.816

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Nợ xấu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty dệt kim Hải Phòng	71.340.916	-	71.340.916	-
- Contrexim - khu phụ trợ XMHP	146.166.157	-	503.168.506	-
- Nguyễn Hữu Dân	8.648.000	-	8.648.000	-
- Công ty cổ phần dệt may xuất khẩu Hải Phòng	3.530.030.467	-	3.530.030.467	-
- Công trình Đức Tân Long	3.028.418.120	-	3.028.418.120	-
- Contrexim - CT cảng Cái Lân	27.826.530	-	27.826.530	-
- Nhà máy thức ăn gia súc thái Bình	18.194.000	-	18.194.000	-
- Cột phát sóng ăng ten Cát Bà	12.000.000	-	12.000.000	-
- Ông Hoàng Thế Bách	13.815.000	-	13.815.000	-
- Công ty công nghiệp tàu thủy Ngô Quyền Hải Phòng	199.590.900	-	199.590.900	-
	7.056.030.090	-	7.413.032.439	-

5.3 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	40.409.732.406	-	28.446.914.429	-
- Ký cược, ký quỹ	2.975.188.512	-	7.483.112.124	-
- Phải thu khác	4.022.382.636	-	2.702.590.803	-
- Tạm ứng	33.412.161.258	-	18.261.211.502	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Dài hạn	2.964.638.587	-	2.544.006.015	-
- Ký cược, ký quỹ	2.964.638.587	-	2.544.006.015	-
Cộng	43.374.370.993	-	30.990.920.444	-

5.4 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	29.443.454.346	-	42.412.128.019	-
Công cụ, dụng cụ	1.348.730.115	-	1.771.799.306	-
Chi phí SXKD dở dang	218.079.447.512	-	177.415.147.762	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	248.871.631.973	-	221.599.075.087	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

5.5 Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	224.688.637	597.284.349
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	83.013.182	199.167.696
- Tiền thuê văn phòng	-	296.039.588
- Các khoản khác	141.675.455	102.077.065
Dài hạn	5.484.354.707	5.348.768.907
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	175.656.445	53.637.834
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	272.109.844	139.930.556
- Các khoản khác	5.036.588.418	5.155.200.517
Cộng	5.709.043.344	5.946.053.256

5.6 Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	1.251.374.545	-	1.251.374.545
- Thuê tài chính trong năm	-	-	-
Số cuối năm	<u>1.251.374.545</u>	<u>-</u>	<u>1.251.374.545</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	372.805.343	-	372.805.343
- Khấu hao trong năm	156.421.824	-	156.421.824
Số cuối năm	<u>529.227.167</u>	<u>-</u>	<u>529.227.167</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	<u>878.569.202</u>	<u>-</u>	<u>878.569.202</u>
Số cuối năm	<u>722.147.378</u>	<u>-</u>	<u>722.147.378</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

5.7 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
- Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	935.731.847	935.731.847
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
- Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	935.731.847	935.731.847
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

5.8 Tài sản dở dang

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Các dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2017 trở về trước	12.754.381.108	19.020.827.189
- Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2018	3.045.240.166	3.456.371.723
- Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2019	1.213.727.071	-
Cộng	17.013.348.345	22.477.198.912

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

5.9 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYỄN GIÁ						
Số đầu năm	77.035.500.907	51.916.020.217	38.316.245.748	437.757.312	-	167.705.524.184
- Mua trong năm	-	6.660.737.384	90.000.000	-	-	6.750.737.384
- Đầu tư XD CB hoàn thành	7.539.081.876	-	-	-	-	7.539.081.876
- Tăng khác - Phân loại lại	-	-	5.236.000	-	-	5.236.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.763.960.955)	(1.471.850.851)	-	-	(3.235.811.806)
- Giảm khác - Phân loại lại	-	(5.236.000)	-	-	-	(5.236.000)
Số cuối năm	84.574.582.783	56.807.560.646	36.939.630.897	437.757.312	-	178.759.531.638
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	24.874.613.797	27.677.289.042	35.655.757.383	323.629.198	-	88.531.289.420
- Khấu hao trong năm	3.644.760.627	3.903.427.867	1.212.042.835	30.618.648	-	8.790.849.977
- Tăng khác - Phân loại lại	-	-	94.162.141	-	-	94.162.141
- Thanh lý, nhượng bán	-	(356.193.508)	(1.471.850.851)	-	-	(1.828.044.359)
- Giảm khác - Phân loại lại	-	(94.162.141)	-	-	-	(94.162.141)
Số cuối năm	28.519.374.424	31.130.361.260	35.490.111.508	354.247.846	-	95.494.095.038
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	52.160.887.110	24.238.731.175	2.660.488.365	114.128.114	-	79.174.234.764
Số cuối năm	56.055.208.359	25.677.199.386	1.449.519.389	83.509.466	-	83.265.436.600

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

58.856.742.220 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

50.899.746.587 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

5.10 Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	98.181.869.250	98.181.869.250	91.757.288.367	91.757.288.367
- C.ty CP Thương Mại và Đầu Tư Thành Phúc	1.865.838.485	1.865.838.485	2.760.202.285	2.760.202.285
- Công ty TNHH gia công cơ khí Minh Long	3.154.441.335	3.154.441.335	3.825.606.401	3.825.606.401
- Công ty CP Phát triển Công nghiệp Hoàng Dương	8.295.809.881	8.295.809.881	-	-
- Công ty Cổ phần thép Miền Bắc	6.913.861.384	6.913.861.384	-	-
- Công ty Cổ Phần Thương Mại Hàng Hóa Quốc Tế IPC	7.358.714.653	7.358.714.653	-	-
- Peter Cremer (S) GMBH	-	-	9.448.319.992	9.448.319.992
- Công ty TNHH TM-DV LKT	-	-	6.610.850.000	6.610.850.000
- Phải trả khác	70.593.203.512	70.593.203.512	69.112.309.689	69.112.309.689
Cộng	98.181.869.250	98.181.869.250	91.757.288.367	91.757.288.367

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số đã thực nộp trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số cuối năm VND	Giá trị VND	Số cuối năm VND
a. Thuế và các khoản phải nộp	2.631.659.625	5.795.850.517	7.067.819.167	1.359.690.975	7.067.819.167	1.359.690.975
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.076.873.543	2.942.321.121	3.509.283.698	509.910.966	3.509.283.698	509.910.966
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	764.665.920	723.096.935	1.219.193.252	268.569.603	1.219.193.252	268.569.603
- Thuế thu nhập cá nhân	290.487.155	445.757.866	654.667.622	81.577.399	654.667.622	81.577.399
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	251.245.300	251.245.300	-	251.245.300	-
- Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-	5.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	499.633.007	1.428.429.295	1.428.429.295	499.633.007	1.428.429.295	499.633.007
Cộng	2.631.659.625	5.795.850.517	7.067.819.167	1.359.690.975	7.067.819.167	1.359.690.975

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

5.13 Chi phí phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	21.798.678.137	57.643.711.879
- Trích trước chi phí công trình	19.879.714.374	57.537.108.213
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	1.918.963.763	106.603.666
Dài hạn	-	-
Cộng	21.798.678.137	57.643.711.879

5.14 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	10.706.276.348	11.422.169.897
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	2.779.650.754	2.735.591.894
- Bảo hiểm xã hội	3.487.398.181	2.059.459.739
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	213.280.103
- Phải trả về cổ phần hóa	323.328.449	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.115.898.964	6.413.838.161
+ Đoàn phí công đoàn	1.026.672.478	649.916.874
+ Phải trả đối tượng khác	3.089.226.486	5.763.921.287
Dài hạn	-	-
Cộng	10.706.276.348	11.422.169.897

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp)

(1) Vay Ngân hàng SHB chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 722/2019/HDHM-PN/SHB 110400 ngày 30/08/2019, thời hạn vay tối đa là 11 tháng, hạn mức vay tối đa là 250 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản quy định trong hợp đồng thế chấp số 391/14.BĐ/133.PTV ngày 19/03/2014; Hợp đồng số 733/KD/09.TCTS ngày 30/12/2008; Hợp đồng số 1075/12.BĐ/346.NA ngày 30/05/2014; Hợp đồng số 0502/2013/TCQĐN/SHB.HP ngày 04/02/2013; Hợp đồng số 392A/14/BĐ/134.PTV ngày 19/03/2014 và Hợp đồng số 393/14.BĐ/135/PTV ngày 19/03/2014, Hợp đồng thế chấp số 17811/2014/HĐTC-QĐN/SHB 110400 ngày 28/11/2014, Hợp đồng thế chấp số: 5805/2015/HĐTC-QĐN/SHB 110400 ngày 04/05/2015, Hợp đồng thế chấp số: 14412/2016/TCQĐN/SHB/ 114000 ngày 02/12/2016, Hợp đồng thế chấp số: 164/2018/TCQĐN/SHB.11040 ngày 23/03/2018, Hợp đồng thế chấp số: 303/2018/TCQĐN/SHB.110400 ngày 14/06/2018.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 17896.19.257.1339407.TD ngày 27/05/2019, thời hạn cấp tín dụng đến ngày 17/04/2020, hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay là 25 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh là 25 tỷ đồng. Mục đích vay để tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp công trình và sản xuất thiết bị lọc bụi tĩnh điện của khách hàng, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản và các quyền đòi nợ.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 7703/19MB/HĐTD ký ngày 22/07/2019, thời hạn 12 tháng, hạn mức tín dụng là 63 tỷ đồng. Mục đích vay để thanh toán các chi phí vật tư, hàng hóa chi phí nhân công đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay là lô hàng thép hình thành từ vốn vay và quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng thi công của Lilama 69-2 quy định trong hợp đồng thế chấp tài sản số 3496/18MB/HĐBĐ ký ngày 17/04/2019.

(4) Khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số SHB14L2106/2009/HĐT/TDH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009; Mục đích vay để đầu tư Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện; thời hạn vay là 90 tháng; lãi suất vay thả nổi điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án hình thành sau đầu tư.

(5) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho vay số 133024.17.257.1339407.TD ngày 28/06/2017, thời hạn cho vay là 48 tháng, số tiền cho vay là 14 tỷ đồng. Mục đích vay để tài trợ trung hạn đầu tư sửa chữa, xây mới văn phòng – nhà xưởng và đầu tư máy móc thiết bị, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 27577.19.257.1339407.TD ngày 02/07/2019, hạn mức cho vay 2,471 tỷ đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư thiết bị công trực và cần trục. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 33837.19.257.1339407.TD ngày 12/08/2019, hạn mức cho vay 10,29 tỷ đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư năng lực sản xuất công ty năm 2019. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(6) Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng thuê tài chính 43.16.01/CTTC ngày 11/8/2016, thời hạn 48 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 972.800.000 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi suất cơ bản đồng Việt Nam do Công ty cho thuê tài chính – NHTMCP Ngoại thương Việt Nam công bố vào thời điểm thanh toán cộng biên độ 2,3%.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

5.16 Vốn chủ sở hữu**5.16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư	Thặng dư vốn	Chênh lệch	Quỹ đầu tư	Quỹ khác	LNST	Lợi ích của	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	cổ phần	tỷ giá hối đoái	phát triển	thuộc VCSH	chưa phân phối	cổ đông KKS	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2019	82.982.430.000	36.462.273	-	20.692.851.386	3.434.956.890	3.334.091.598	-	110.480.792.147
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	980.000.000	980.000.000
- Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	1.322.305.205	8.814.536	1.331.119.741
- Trích lập các quỹ	-	-	-	262.170.554	-	-	-	262.170.554
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	(2.183.989.708)	-	(2.183.989.708)
- Giảm khác (**)	-	-	-	-	-	(14.113.943)	-	(14.113.943)
31/12/2019	82.982.430.000	36.462.273	-	20.955.021.940	3.434.956.890	2.458.293.152	988.814.536	110.855.978.791

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 52/NQ-DHĐCĐ 2019 ngày 20/04/2019:

- Chi trả cổ tức:	1.659.648.600 đồng
- Trích quỹ đầu tư phát triển:	262.170.554 đồng
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi:	262.170.554 đồng
Tổng cộng	2.183.989.708 đồng

(**) Kết chuyển lỗ của Chi nhánh Công ty CP Lilama 69-2 – Xí nghiệp lắp máy và xuất nhập khẩu.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

5.16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	-	37.305.150.000
- Công ty CP Đầu tư công nghiệp nặng Việt Hải	11.046.560.000	-
- Nguyễn Xuân Kỳ	11.903.700.000	11.903.700.000
- Trần Xuân Trường	6.549.830.000	-
- Hoàng Sĩ Khang	6.985.290.000	-
- Vũ Khắc Nhiêm	6.985.290.000	-
- Hoàng Trung Kiên	5.198.350.000	-
- Vốn góp của cổ đông khác	34.313.410.000	33.773.580.000
Cộng	82.982.430.000	82.982.430.000

5.16.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019
	VND
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	483.459.691.048
Cộng	483.459.691.048

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019
	VND
- Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	434.002.968.096
Cộng	434.002.968.096

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	33.664.771
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	104.401.868
Cộng	138.066.639

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND
- Chi phí lãi vay	29.571.480.128
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	146.601.591
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	56.802.270
- Chi phí tài chính khác	17.935.179
Cộng	29.792.819.168

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	297.916.678
- Chi phí nhân công	12.128.664.986
- Chi phí khấu hao TSCĐ	652.065.767
- Thuế, phí, lệ phí	233.365.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.837.740.605
- Chi phí khác bằng tiền	1.045.439.992
Cộng	16.195.193.028

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2019 VND
- Vật tư thu hồi	62.377.802
- Các khoản khác	230.040.882
	292.418.684

6.7 Chi phí khác

	Năm 2019 VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	26.162.238
- Các khoản bị phạt	1.461.646.872
- Các khoản chi phí khác	382.302.405
	1.870.111.515

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

6.8. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.029.084.564
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.575.381.946
- Các khoản chi phí (phạt)	1.461.646.872
- Chi phí không hợp lý khác	56.932.804
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	56.802.270
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	3.604.466.510
Chi phí thuế TNDN hiện hành	720.893.302

6.9. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu*Lãi cơ bản trên cổ phiếu:*

	Năm 2019
	1.308.191.262
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	8.298.243
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	158
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	158

Lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm 2019
	1.308.191.262
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	8.298.243
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm (CP)	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	158

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019
	VND
Chi phí nguyên vật liệu	282.426.789.481
Chi phí nhân công	69.552.823.026
Khấu hao tài sản cố định	8.947.271.801
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.625.917.745
Chi phí bằng tiền khác	2.838.848.270
Cộng	457.391.650.323

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

6.11 Công cụ tài chính**Quản lí rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.824.262.979	6.990.441.314
Phải thu khách hàng và phải thu khác	236.279.725.496	261.103.179.260
Đầu tư dài hạn	-	-
Cộng	240.103.988.475	268.093.620.574
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	265.676.321.203	275.010.110.269
Phải trả người bán và phải trả khác	102.643.264.404	98.171.126.528
Chi phí phải trả	21.798.678.137	57.643.711.879
Cộng	390.118.263.744	430.824.948.676
Trạng thái ròng	(150.014.275.269)	(162.731.328.102)

Tại ngày 31/12/2019 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lí rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Vay và nợ ngắn hạn	252.650.937.513	13.025.383.690	265.676.321.203
Phải trả người bán và phải trả khác	102.643.264.404	-	102.643.264.404
Chi phí phải trả	21.798.678.137	-	21.798.678.137
Cộng	377.092.880.054	13.025.383.690	390.118.263.744
Số đầu năm			
Vay và nợ ngắn hạn	256.868.368.531	18.141.741.738	275.010.110.269
Phải trả người bán và phải trả khác	98.171.126.528	-	98.171.126.528
Chi phí phải trả	57.643.711.879	-	57.643.711.879
Cộng	412.683.206.938	18.141.741.738	430.824.948.676

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.824.262.979	-	3.824.262.979
Phải thu khách hàng và phải thu khác	233.315.086.909	2.964.638.587	236.279.725.496
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	237.139.349.888	2.964.638.587	240.103.988.475
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.990.441.314	-	6.990.441.314
Phải thu khách hàng và phải thu khác	258.559.173.245	2.544.006.015	261.103.179.260
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	265.549.614.559	2.544.006.015	268.093.620.574

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.12. Báo cáo bộ phận*Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh*

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	483.459.691.048	-	483.459.691.048
Khấu hao và chi phí phân bổ	8.947.271.801	-	8.947.271.801
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.308.191.262	-	1.308.191.262
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	6.625.737.384	-	6.625.737.384
Tài sản bộ phận	593.818.284.291	-	593.818.284.291
Tổng tài sản	593.818.284.291	-	593.818.284.291
Nợ phải trả bộ phận	483.951.120.036	-	483.951.120.036
Tổng nợ phải trả	483.951.120.036	-	483.951.120.036

Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo lĩnh vực địa lý

	Miền Bắc	Miền Nam, Miền Trung, Tây Nguyên	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	483.459.691.048	-	483.459.691.048
Tài sản bộ phận	593.818.284.291	-	593.818.284.291
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	6.625.737.384	-	6.625.737.384

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

6.13 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngoại tệ các loại		
- USD	862,00	2.721,21
- EUR	371,82	4.338,10

7 Thông tin khác**7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

	Năm 2019 VND
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, HĐQT	1.766.394.919
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban TGD	1.766.394.919

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc.



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Trần Thị Hường
Kế toán trưởng

Trần Thị Hằng
Người lập